

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN THỊ MINH TUYẾT

PHONG CÁCH NGHỆ THUẬT
THƠ KHƯƠNG HỮU DỤNG

Chuyên ngành : Văn học Việt Nam
Mã số : 60.22.34

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Đà Nẵng - Năm 2011

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Phan Ngọc Thu**

Phản biện 1: **PGS.TS. Hồ Thế Hà**

Phản biện 2: **TS. Nguyễn Thanh Sơn**

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn thạc sĩ Khoa học Xã hội và Nhân văn họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 12 tháng 11 năm 2011.

** Có thể tìm hiểu luận văn tại:*

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài:

Kế thừa và phát huy truyền thống văn học dân tộc, nền thơ hiện đại Việt Nam đã phát triển với nhiều thành tựu nối tiếp qua các thế hệ nhà thơ; trong đó có nhà thơ mà cuộc đời và sự nghiệp dường như lặng lẽ, không chạy theo thời thượng, nhưng lại không kém phần sâu lắng và gắn liền với hành trình của cả nền thơ gần một thế kỷ. Khương Hữu Dụng (1907-2005) là một nhà thơ như thế. Ông sinh giữa đêm giao thừa năm Đinh Mùi, trong một gia đình nghèo ở phố cổ Hội An, Quảng Nam.

Mồ côi mẹ từ bé, lớn lên trong tình thương của bố và bà nội, Khương Hữu Dụng yêu thơ từ thuở còn đi học do ảnh hưởng truyền thống của gia đình và quê hương xứ sở. Sau khi học xong Sơ đẳng tiểu học ở quê nhà, năm 1922, ông thi vào trường Quốc học Huế, học hết ban Thành chung. Cũng từ nơi đây ông đã được gặp nhà yêu nước Phan Bội Châu, tình cảm yêu nước và ý thức giác ngộ cách mạng cũng khơi nguồn từ đó. Những năm tháng làm nghề dạy học cũng đã giúp cho người thanh niên ấy thêm nhiều vốn sống và trải nghiệm để bước vào đường đời hòa với đường thơ thấm đượm truyền thống yêu nước và cách mạng của gia đình. Ông bắt đầu cuộc đời của nhà thơ - chiến sĩ từ thời kỳ Mặt trận Dân Chủ Đông Dương (1936-1939) cho đến những năm đầu của thế kỷ XXI.

Chính vì vậy, tìm hiểu **phong cách nghệ thuật thơ Khương Hữu Dụng** không chỉ có ý nghĩa khẳng định đóng góp của một nhà thơ đã có một hành trình sáng tạo gần trọn một thế kỷ, và đã để lại một sự nghiệp thơ ca phong phú bao gồm nhiều thể loại cả sáng tác

và dịch thuật; mà qua đó còn có thể thấy được quá trình vận động, phát triển và tính chất đa dạng, phong phú của nền thơ đương đại Việt Nam trong thế kỷ XX.

Mặt khác, Khương Hữu Dụng là người con của quê hương đất Quảng, một người con ưu tú, xứng đáng là *nhà thơ chiến sĩ*, suốt cuộc đời gắn bó với quê hương, đất nước. Tìm hiểu, nghiên cứu phong cách nghệ thuật thơ Khương Hữu Dụng còn để tìm ra nét đẹp riêng của chất Quảng Nam, điều làm nên bản sắc riêng của thơ ông trong vẻ đẹp *dân tộc mà hiện đại* của nền thơ đất nước. Đồng thời, qua nghiên cứu, góp thêm kiến thức trong thực tiễn giảng dạy thơ văn Việt Nam hiện đại, giảng dạy phân văn học địa phương trong nhà trường.

2. Lịch sử vấn đề:

Hầu hết các bài viết, nghiên cứu về nhà thơ Khương Hữu Dụng được tập hợp trong tập phê bình và tiểu luận *Khương Hữu Dụng một đời thơ* do Nhà xuất bản Đà Nẵng in năm 2006. Ngoài ra có nhiều bài viết rải rác trên các tạp chí *Đất Quảng*, *Non Nước*, các bài phê bình in chung khi nghiên cứu về các nhà thơ đất Quảng, các nhà thơ kháng chiến.

2.1. Các bài viết nghiên cứu chung về Khương Hữu Dụng

Nhiều ý kiến đánh giá cao về trường ca *Từ đêm Mười chín*. Trong đó có ý kiến của Lê Trí Viễn, Nguyễn Chí Trung, Võ Quảng, Lý Công Uẩn, Tế Hanh, Xuân Diệu, Vũ Văn Sĩ, Võ Gia Trị, Trinh Đường, Thanh Thảo, ... Nhìn chung, các tác giả đều thống nhất cho rằng trường ca *Từ đêm Mười chín* là một tác phẩm xuất sắc của văn học thời kháng chiến chống Pháp, đã tái hiện được không khí hào

hùng trong cuộc chiến của nhân dân Quảng Nam Đà Nẵng nói riêng và nhân dân cả nước nói chung. Cùng với trường ca *Từ đêm Mười chín*, nhiều nhà nghiên cứu, phê bình còn nhắc nhiều đến tập *Kinh nhật tụng của người chiến sĩ* như Lê Trí Viễn, Thanh Quế, Hồ Hoàng Thanh. Đặc biệt là hàng loạt bài viết, bức thư của các chiến sĩ đã từng có mặt trong tù, đã từng xem tác phẩm là kim chỉ nam cho hành động của mình trong những tháng ngày tù ngục. Nhiều bài viết đề cập đến mảng thơ dịch của tác giả như Nguyễn Ngọc, Khổng Đức, Thanh Thảo và gần như cùng thống nhất Khương Hữu Dụng dịch thơ để học thơ, để tìm sự đồng điệu của tâm hồn, để sáng tác trong dịch, như chính quan niệm của ông “Dịch là đối thoại”.

2.2. Các bài viết nghiên cứu liên quan trực tiếp đến đề tài

Nhiều nhà phê bình quan tâm đến những nét phong cách thống nhất của nhà thơ như Trinh Đường, Tế Hanh, Võ Quảng, Lý Công Uẩn Lê Trí Viễn, Vũ Văn Sỹ, Thanh Thảo, Đỗ Bạch Mai, Thanh Quế, Võ Gia Trị, Hoài Anh, Nguyễn Đức Mậu, Nguyễn Bùi Vợi.

Nhìn chung, các nghiên cứu về Khương Hữu Dụng phần lớn đánh giá cao nhà thơ ở mảng thơ cách mạng, thơ phục vụ kháng chiến, coi ông là nhà thơ chiến sĩ. Đánh giá đó là chính xác, công bằng đối với nỗ lực của một nhà thơ hết lòng vì dân, vì nước. Song như thế là chưa đủ. Theo người viết, cái phân sâu thẳm thể hiện chất người, thể hiện nét phong cách riêng của nhà thơ là ở mảng thơ tâm tình, mảng thơ về đời tư, thế sự. Đã có nhiều bài nghiên cứu đề cập đến vấn đề này - trong đó có những ý kiến rất xác đáng - nhưng chỉ là những ý kiến riêng lẻ, chưa xâu chuỗi thành hệ thống. Về cuộc đời và về tác phẩm của ông, có thể nói vẫn chưa có được một sự nghiên

cứu, đánh giá tương xứng, đầy đủ, chưa có một công trình nào trực tiếp nghiên cứu phong cách nghệ thuật thơ Khương Hữu Dụng một cách hệ thống.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Sự nghiệp thơ Khương Hữu Dụng gồm hai mảng sáng tác và dịch. Luận văn này tập trung nghiên cứu thơ Khương Hữu Dụng ở phần sáng tác.

Luận văn đi vào tìm hiểu những điểm nổi bật trong phong cách thơ Khương Hữu Dụng qua các chặng sáng tác, dựa vào các tác phẩm trong *Khương Hữu Dụng tuyển tập* (phần sáng tác) do NXB Văn học xuất bản năm 2004.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu: *Phương pháp phân tích tổng hợp, Phương pháp tiếp cận hệ thống, Phương pháp so sánh, Phương pháp thống kê*. Luận văn còn sử dụng lý thuyết thi pháp học trong tìm hiểu phong cách tác giả.

5. Giới thuyết thuật ngữ

Trên cơ sở khái niệm “phong cách nghệ thuật” của *Từ điển thuật ngữ văn học* (chủ biên Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi) và *Từ điển Tiếng Việt* (Hoàng Phê chủ biên) người viết khái quát phong cách nghệ thuật của một nhà văn là nét riêng, nét độc đáo (có giá trị), nét ổn định tạo thành hệ thống trong sáng tác của một tác giả. Hai đặc điểm chính làm nên phong cách một nhà văn là tính độc đáo và tính ổn định thể hiện trong tư tưởng, quan điểm nghệ thuật, hình thức thể hiện. Những đặc điểm ấy được hình thành từ nhiều yếu

tổ trong đó có thể kể đến sự tác động của hoàn cảnh, môi trường gia đình; đặc biệt là cá tính, sở trường và tư chất của nhà văn.

6. Đóng góp của luận văn

- Góp một cái nhìn tương đối toàn diện, hệ thống về thơ Khương Hữu Dụng.

- Thấy được những đóng góp cụ thể cho văn học hiện đại Việt Nam của Khương Hữu Dụng ở mảng thơ sáng tác.

- Nắm bắt được hành trình thơ gần một thế kỷ của nhà thơ qua đó phần nào thấy được sự vận động của thơ Việt qua các thời kỳ.

- Góp thêm tư liệu trong thực tiễn giảng dạy thơ văn Việt Nam hiện đại, giảng dạy phần văn học địa phương trong nhà trường.

7. Bố cục của luận văn

Ngoài phần *Mở đầu*, *Kết luận* và *Tài liệu tham khảo*, bố cục luận văn gồm 3 chương:

- Chương 1: Khương Hữu Dụng - Một đời thơ gần trọn thế kỷ.

- Chương 2: Khương Hữu Dụng - Một hồn thơ giàu chất liệu đời sống và sâu lắng cảm xúc.

- Chương 3: Khương Hữu Dụng - Một hồn thơ đa dạng trong nghệ thuật biểu hiện.

Chương 1 - KHƯƠNG HỮU DỤNG - MỘT ĐỜI THƠ GẦN TRỌN THẾ KỶ

1.1. Những chặng đường thơ

1.1.1. Hành trình sáng tác

Trước cách mạng tháng 8, ngài bút yêu nước Khương Hữu Dụng đã được định hướng rõ rệt. Phần lớn sáng tác của ông là thơ yêu nước và thơ tranh đấu. Sáng tác thời kỳ này của ông được tập hợp trong các phần *Tiếng Dân*, *Sương*, *Lệ*.

Những ngày đầu kháng chiến chống Pháp, Khương Hữu Dụng cùng toàn dân tộc "lên đường kháng chiến". *Kinh nhật tụng của người chiến sĩ* và *Từ đêm Mười chín* là những tác phẩm ra đời trong thời điểm này.

Thời kỳ hòa bình lập lại trên miền Bắc, Khương Hữu Dụng tập kết ra miền Bắc. Ông đã hòa vào cuộc sống những người thợ mỏ, những cô công nhân, viết những vần thơ đẹp ngợi ca họ và ngợi ca cuộc sống mới. Tập thơ *Những tiếng thân yêu* (1963) ra đời mang nặng khát khao nhân bản ở một con người giàu tâm huyết. Ở tập thơ, ta bắt gặp nặng trĩu nỗi đau của nhà thơ trong tình cảnh cắt chia hai miền Nam Bắc, ta bắt gặp nỗi nhớ quê da diết của nhà thơ. Nhà thơ trẻ ra khi đến với cuộc đời mới, lặng lẽ quan sát, phát hiện cái đẹp trong cuộc sống để vui và để ngợi ca.

Trong kháng chiến chống Mỹ, tập *Quả nhỏ* (1972) ra đời đánh dấu một bước thành công mới trong thơ Khương Hữu Dụng. Những bài thơ về tình yêu, về trẻ em, về thiên nhiên là những bài thơ mới mẻ và xinh xắn. Tập *Quả nhỏ* khiêm nhường là minh chứng thực sự cho sức hồi sinh ở thơ ông trong chiến tranh chống Mỹ.

Sau năm 1975 và trong sự nghiệp đổi mới văn học

Càng tới tuổi già, Khương Hữu Dụng càng tìm về sự trẻ trong *Biên* (1985) - một tập thơ thời đất nước hoà bình thống nhất. Tên tập thơ gợi hình ảnh trẻ con tập nói, cũng là hình ảnh của con người luôn tìm mới trong thơ, luôn thấy mình trẻ vì “Tuổi già tâm huyết vẫn không già”.

Có thể khái quát hành trình thơ gần trọn thế kỷ của Khương Hữu Dụng qua bài *Nguồn thơ* của ông. Thời kỳ chưa tìm đến với cách mạng: *Dòng thơ, dòng nước mắt*. Khi đã nhận ra hiện thực thì: *Mỗi dòng thơ nước mắt/Thành dòng thơ máu trào*. Và khi có ánh sáng của Đảng soi đường, thơ ông hòa cùng giọng với các nhà thơ chiến sĩ: *Hồn thơ hùng sắt thép*. Đến lúc hòa bình, ông trả thơ về với chức năng đích thực của nó: *Thơ là Thơ, là Thơ*.

1.1.2. Thơ dịch

Sự nghiệp dịch thơ của ông khá đồ sộ với hàng nghìn bài dịch thơ Đường, thơ Tống, từ Đỗ Phủ, Lí Bạch, Bạch Cư Dị, Lục Du... đến thơ Việt Nam của Nguyễn Trãi, Ngô Thì Nhậm, Ninh Tồn, Nguyễn Du, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, Đặng Huy Trứ, Hồ Chí Minh... và một số tác giả phương Tây như Apollinaire, Aragon, Victor Hugo, Dante.

Ngoài sáng tác thơ, mảng dịch thơ của Khương Hữu Dụng cũng là một đóng góp lớn lao cho nền thơ Việt Nam.

1.2. Quan niệm về thơ và lao động nghệ thuật

Mỗi nhà thơ đích thực bao giờ cũng là nhà thơ có tư tưởng nghệ thuật của riêng mình. Tư tưởng ấy được thể hiện qua toàn bộ thế giới hình tượng nghệ thuật thơ của họ, và cũng có khi được phát

biểu một cách trực tiếp thành những quan điểm, quan niệm. Cả cuộc đời thơ của Khương Hữu Dụng luôn thâm lắng với tâm niệm: *Bút còn giọt mực còn tâm huyết*. Từ đó, nhà thơ càng miệt mài lao động nghệ thuật, làm kiếp con tằm nhả tơ cho đời: *Cuộc đời dù có thăng trầm/ Nghiệp nhà thơ kiếp con tằm nhả tơ*. Và cũng hơn ai hết, nhà thơ ý thức một cách sâu sắc công việc nhọc nhằn, vất vả của cái “nghiệp” mà mình theo đuổi. Ông bộc lộ một cách chân thật, khiêm nhường, giản dị và cảm động xiết bao: *Chỉ ước trọn đời khi nhắm mắt/ Được câu thần cú đủ vui rồi*. Đó là khát vọng lớn của một nhà thơ chân chính. Để đạt được cái mơ ước ấy, nhà thơ phải nỗ lực không ngừng tìm tòi cái mới; phải *bi bô* cho đến *bạc đầu*. Âm hưởng chủ đạo trong thơ ông là tinh thần lạc quan, niềm tin yêu cuộc sống. Chính niềm tin yêu ấy đã giúp nhà thơ theo đuổi đến cùng sự nghiệp: *Văn chương sự nghiệp dài vô tận/ Chân lý niềm tin sáng tuyệt vời*. Với ông, thơ phải có sức đánh thức khát vọng của con người, hướng họ đến những hành động. Ông tâm huyết với ngòi bút của cụ Phan Bội Châu, vì thế mà 45 năm sau ngày Phan Bội Châu mất, ông khái quát sự nghiệp sáng tác của cụ Phan cũng là quan niệm văn chương của mình: *Mỗi chữ mỗi dòng sôi máu nóng/ Giục người đứng dậy bước lên đi*.

Đó cũng là quan niệm sáng tác của Khương Hữu Dụng. Quan niệm sáng tác ấy có gốc rễ từ cội nguồn văn chương dân tộc và được bồi đắp, làm mới qua bao thế hệ thơ. Và chính quan niệm ấy sẽ chi phối phong cách nghệ thuật thơ ông.

Chương 2 - KHƯƠNG HỮU DỤNG-MỘT HỒN THƠ GIÀU CHẤT LIỆU ĐỜI SỐNG VÀ SÂU LẮNG CẢM XÚC

2.1. Hồn thơ giàu chất liệu đời sống

Với bút danh Thế Nhu, từ những năm 1930, Khương Hữu Dụng đã có những bài thơ có khuynh hướng yêu nước và dân sinh rõ rệt đăng trên tờ báo yêu nước Tiếng Dân do Huỳnh Thúc Kháng làm chủ bút. Thơ Khương Hữu Dụng đi sâu vào hiện thực đời sống người lao động, nói lên tiếng nói của người dân nghèo đồng thời kêu gọi họ tự đứng lên bảo vệ mình.

Khương Hữu Dụng lần đầu đến với cách mạng và kháng chiến bằng một tác phẩm khá đặc biệt: *Kinh nhật tụng của người chiến sĩ*. Tác phẩm có số phận kỳ lạ và sức hút của nó cũng thật kỳ lạ. Nếu *Kinh nhật tụng của người chiến sĩ* đã trở thành "cẩm nang" ứng xử của các chiến sĩ cách mạng, nhất là những ai bị sa vòng tù ngục của thực dân đế quốc thì *Từ đêm Mười chín* là bản anh hùng ca đầu tiên và tiêu biểu không chỉ trên chiến trường Liên Khu V mà còn là của cả nước, xuất hiện ngay từ những năm đầu toàn quốc kháng chiến.

Cũng viết về hiện thực đời sống, thơ Khương Hữu Dụng có những nét riêng khó lẫn lộn.

Trước hết, tên đất, tên người Quảng Nam, vùng đất Quảng Nam đi vào thơ Khương Hữu Dụng, trở thành hiện thực sinh động. Bao địa danh quen thuộc của xứ Quảng ùa vào trang thơ ông. Ông viết về quê hương yêu dấu bằng một sự am hiểu tường tận và một tình yêu da diết.

Thứ hai, cách nói giản dị, mộc mạc, đậm dấu ấn đất và người xứ Quảng. Đây cũng là một nét đặc sắc tạo dấu ấn riêng trong

sáng tác của Khương Hữu Dụng. Đó là ngôn ngữ đậm chất Quảng Nam, mộc mạc, giản dị, chân chất.

Thứ ba, Khương Hữu Dụng cũng đã tạo được một giọng điệu riêng khi viết về cuộc kháng chiến. Ông đã đi qua hai cuộc kháng chiến của dân tộc. Ông viết về cuộc kháng chiến của một con người đầy nhiệt huyết yêu nước; đồng thời với cái nhìn của một con người người đã từng trải: có chất lắng đọng suy tư, có những trải nghiệm xa xót về những mất mát, hy sinh, về cái chết. Nhà thơ nhận ra đằng sau những chiến công là bao góc khuất, bao mảnh đời. Người đọc không chỉ thấy một hiện thực hào hùng mà thấy cả một hiện thực bi thương của những năm tháng chiến tranh.

Đặc biệt là những bài thơ viết về chiến tranh khi chiến tranh đã lùi xa. Có một khoảng lặng để con người suy nghĩ về những tháng năm khốc liệt ấy. Ở đó không chỉ có hào hùng, không chỉ có khát vọng chiến thắng. Ở đó còn có nỗi đau. Đó là những lời trải nghiệm xót xa từ những mất mát lớn của những người thân yêu, những đồng đội, những người ruột thịt.

Một điều trở thành nét riêng trong sáng tác của Khương Hữu Dụng là hành trình thơ đi suốt con đường đấu tranh của dân tộc. Hiện thực cuộc sống vì thế cũng trở nên đa dạng, nhiều chiều kích. Có hiện thực dân tộc chìm trong lửa đạn của những năm 1930. Có cái sôi nổi nhiệt huyết của những ngày đầu kháng chiến chống Pháp. Có cái háo hức rộn ràng của những năm miền Bắc bước vào dựng xây cuộc sống mới. Có cái hùng dũng, mạnh mẽ của dân tộc trong những tháng năm chống Mỹ. Có cái lắng đọng suy tư của những năm tháng sau chiến tranh. Hiện thực trong thơ Khương Hữu Dụng là hiện thực cuộc sống của cả dân tộc trong suốt chiều dài lịch sử thế kỷ XX với

bao thăng trầm, biến cố. Vì thế nó đa dạng, phong phú và thấm đẫm chất đời.

2.2. Một hồn thơ sâu lắng cảm xúc

Chất sâu lắng cảm xúc trong thơ Khương Hữu Dụng biểu hiện ở sự hòa quyện giữa cái tôi trữ tình công dân và cái tôi đời tư thế sự.

2.2.1. Cái tôi trữ tình công dân

Thơ Khương Hữu Dụng dạt dào **tình yêu đất nước**. Tình yêu đất nước trong thơ ông bắt đầu từ tình yêu quê hương. Khương Hữu Dụng viết nhiều bài thơ về cảnh thiên nhiên xứ Quảng.

Không chỉ bày tỏ tình yêu với quê cha đất tổ, Khương Hữu Dụng còn viết về những vùng quê khác trên đất nước Việt Nam. Bước chân nhà thơ đã rải đến nhiều vùng trên đất nước Việt Nam, ở đâu nhà thơ cũng nhận ra vẻ đẹp để yêu, để viết. Và ở đâu ông cũng viết bằng một niềm say mê.

Không chỉ dạt dào tình yêu quê hương đất nước, thơ Khương Hữu Dụng **hội tụ những tình cảm lớn của dân tộc qua các thời kỳ**. Điềm lại các thời kỳ sáng tác của nhà thơ, chúng ta thấy rõ sự tiếp nối dòng thơ yêu nước của cụ Phan Bội Châu. Tiếp theo là sự chuyển biến mang tính cách mạng của nhà thơ khi làm thơ tranh đấu. Khi đến với Đảng nhà thơ nhận ra nguồn sáng bất tận đem lại hạnh phúc cho cuộc đời. Cùng với những tình cảm tôn kính dành cho Đảng, nhà thơ cũng dành cho Bác - vị lãnh tụ kính yêu - sự trân trọng, yêu mến. Nhiều bài viết về Bác thực sự xúc động. Cùng với lời ca ngợi Đảng, Bác Hồ, nhà thơ ca ngợi người lính, những người lao động mới. Tình cảm của nhà thơ trong thơ hội đủ những tình cảm lớn của dân tộc. Có lòng sôi sục căm thù những bất công khi đất nước chìm trong nô lệ.

Có bầu nhiệt huyết cách mạng khi đất nước bước vào hai cuộc chiến trường kỳ. Có cái hăm hở nhiệt tình khi đất nước bước vào công cuộc dựng xây. Có lòng yêu Đảng, yêu lãnh tụ. Đó là cảm hứng trữ tình công dân sâu sắc.

2.2.2. *Cái tôi đời tư thế sự*

Cuộc sống đời thường đi vào thơ Khương Hữu Dụng một cách tự nhiên. Thơ ông viết về những điều giản dị, đời thường. Đọc thơ Khương Hữu Dụng, ta dễ nhận ra con người đời tư, thế sự trong thơ, tiếng lòng nhà thơ trải ra trên những vần thơ ấy. Những bài thơ về bà nội, chị gái, vợ, em, những người cùng chí hướng... Mỗi người một số phận, một cảnh đời, qua những bài thơ ngắn hiện lên cả số phận, tính cách của mỗi con người.

Có những điều bình thường cũng được đưa vào thơ một cách ngộ nghĩnh, đáng yêu. Viết về những điều bình thường tưởng như vật vãnh nhưng nhà thơ khái quát thành những vấn đề triết lý, hoặc có những phát hiện mới lạ từ những điều tưởng như quá đời thường ấy. Và ta đọc được ở đó chân dung của nhà thơ Khương Hữu Dụng: con người sống đắm thắm, ân nghĩa, thủy chung, giàu xúc cảm.

Nỗi niềm riêng tư của nhà thơ được giải bày trên trang giấy. Nhiều bài thơ là những dòng nước mắt dành cho những người thân yêu, trong đó có người vợ. Tình cảm dành cho người vợ là tình cảm rất riêng tư nhưng khái quát được tình cảm muôn đời của con người: tình đôi lứa.

Cái tôi trong thơ Khương Hữu Dụng đậm cảm hứng trữ tình công dân nhưng cũng nặng sâu những tình cảm riêng tư, những nỗi niềm thế sự. Ta nhận ra sự hòa hợp chung - riêng trong thơ ông. Cái

cao cả, thiêng liêng đan xen với cái bé nhỏ, đời thường. Thơ ông có những bài đủ độ chín để khiến ta suy ngẫm, đặc biệt là những bài thơ đầy dự cảm, được trần trở suy ngẫm từ rất sớm, rất sâu bởi tâm hồn nhà thơ.

2.3. Một hồn thơ vừa giàu chất chiêm nghiệm vừa tươi tắn trẻ trung

2.3.1. Chất chiêm nghiệm

Thơ Khương Hữu Dụng đắm suy ngẫm từ những điều giản dị. Nhà thơ luôn có cái nhìn triết lí về cuộc sống, con người. Ông suy ngẫm về cách nhìn đời của mỗi con người, về tình yêu, sự nghiệt ngã của thời gian. Ông suy ngẫm về khoảng cách quan trọng giữa cách con người là chính ở lòng người chứ không phải là trở lực nào khác; triết lí về sự ngắn ngủi của cái đẹp. Ông phát hiện ra cái đẹp tồn tại ở mọi nơi quanh ta. Ngắm nhìn bông hoa mọc lên từ đá, ông suy ngẫm về sức sống và sự kỳ lạ của cuộc đời. Nhiều bài thơ ông là những suy tư, trần trở về cái chết. Đọc thơ Khương Hữu Dụng, ta gặp một chất thiền lắng lại, chất ra từ cuộc sống đã từng trải; cái nhìn đời bình thản của con người thấu hiểu lẽ đời.

Với cái nhìn đầy chiêm nghiệm mà nhân ái, Khương Hữu Dụng khẳng định sự tồn tại của con người trên cõi đời này. Mỗi người hãy ý thức điều đó để sống, để khắc tên mình vào cuộc đời dẫu chỉ một chút thôi. Đó cũng là khát vọng sống có ý nghĩa. Càng lớn tuổi, nhà thơ càng có thời gian để chiêm nghiệm về cuộc đời. Và càng thêm hiểu biết để nhận thức về giá trị cuộc sống, tìm ra lẽ sống cho mình. Vì thế ông có nhiều bài viết về việc đi bộ, đi để tập thể dục và đi để suy ngẫm chuyện đời. Và từ những bước chân chậm rãi

của người già, ông nghiệm ra những điều giản dị mà cũng rất triết lý. Nhà thơ có nhiều bài đối thoại. Lời thơ đối thoại, trần trở mang màu sắc thơ đương đại với cái tôi tự vấn, cái tôi trần trở. Chất chiêm nghiệm làm cho thơ Khương Hữu Dụng có chiều sâu và lắng lại trong tâm tư người đọc.

2.3.2. *Chất tươi tắn, trẻ trung*

Thơ Khương Hữu Dụng bộc lộ một niềm yêu cuộc sống say mê. Tình yêu ấy bắt đầu từ một lẽ sống lớn. Nhà thơ có một quan niệm sống tích cực: sống là cống hiến, là dần thân. Ông tự nhắc nhở lòng mình hãy luôn giữ trong tim ngọn lửa nhiệt tình. Khát vọng sống có ích là khát vọng thường trực trong con người được thể hiện qua thơ. Ông ca ngợi *Tình ong* say hoa; Khao khát sống như *Con chim bé nhỏ*. Chính lẽ sống đẹp ấy hình thành trong thơ Khương Hữu Dụng một tình yêu cuộc sống đắm say. Tình yêu cuộc sống rải trên trang thơ, bền bỉ và mãnh liệt, âm ỉ mà rực cháy. Tình yêu ấy thể hiện qua cảm nhận về sự sống trong lòng vạn vật. Đó là niềm tin của một người đã có những trải nghiệm trong cuộc đời.

Ấn hiện trong thơ ông cốt cách của các nhà nho xưa, ta nhận ra cốt cách của người quân tử với phong thái ung dung, với chút lãng mạn bay bổng. Đặc biệt nhà thơ trân trọng tuổi trẻ. Càng yêu cuộc sống nhà thơ càng quý trọng tuổi trẻ. Sống hòa mình với lớp trẻ, nhà thơ trở nên trẻ trung. Trải qua một thời gian sáng tác bền bỉ, Khương Hữu Dụng vẫn duy trì và thấp sáng ngọn lửa tình yêu cuộc sống cho thơ. Thơ Khương Hữu Dụng vẫn hồn nhiên trong trẻo, điều đó đã nói lên tất cả độ sáng của tâm hồn một nhà thơ. Chất tươi tắn trẻ trung trong thơ Khương Hữu Dụng còn thể hiện qua đề tài miêu tả: mùa xuân, tình yêu, trẻ em... Có lúc nhà thơ hóa thân vào con trẻ để cảm

nhận thế giới xung quanh bằng cái nhìn hết sức ngộ nghĩnh của trẻ thơ.

Khương Hữu Dụng viết nhiều bài thơ về mùa xuân, về tình yêu. Tình yêu được diễn tả ở nhiều cung bậc. Có tình yêu vừa mới chớm của lứa đôi, có tình yêu gắn với nhớ nhung, chờ đợi; có tình yêu gắn với công việc của đôi vợ chồng lao động; có tình yêu của một đôi vợ chồng già. Có nhiều bài thơ tình trẻ trung, tươi mới của một hồn thơ phóng túng, lời thơ vừa kín đáo e ấp vừa nồng nàn hiện đại.

Vượt giới hạn của tình yêu lứa đôi, thơ Khương Hữu Dụng đong đầy tình yêu cuộc sống. Tình yêu ấy khiến nhà thơ cảm thấy cuộc đời này thật sự ý nghĩa. Có thể thấy, bằng sự trải nghiệm, suy tư, lắng, ngấm của một người đã thấu nhận các giá trị của nhân sinh, kiếp người nên Khương Hữu Dụng nhìn đời bằng cái nhìn đắm chìm nghiêm, suy tư. Song Khương Hữu Dụng còn có cái nhìn về cuộc sống hết sức tích cực, đầy nhiệt tình sống, cống hiến, tha thiết niềm say mê cuộc sống. Điều đó làm cho thơ ông vừa giàu chất suy tư vừa dạt dào xúc cảm. Và hai dòng cảm xúc ấy hòa quyện, có sức bền bỉ dẻo dai trong thơ Khương Hữu Dụng từ lúc bắt đầu sự nghiệp sáng tác đến khi trở thành lão trượng, tạo nên nét phong cách độc đáo trong sáng tác của nhà thơ.

Chương 3 - KHƯƠNG HỮU DỤNG - MỘT HỒN THƠ ĐA DẠNG TRONG NGHỆ THUẬT BIỂU HIỆN

3.1. Thể loại

Thứ nhất, **sự đa dạng khi lựa chọn thể thơ**. Khương Hữu Dụng thử sức trên nhiều thể loại: thơ thất ngôn bát cú, thơ tứ tuyệt; thơ thất ngôn (kiểu thơ mới); thơ lục bát; thơ ngũ ngôn; trường ca; diễn ca; thơ tự do. Tác giả có ý thức chọn lựa thể loại nào phù hợp với nội dung biểu hiện và mục đích sáng tác của mình. Thể thơ đường luật với các câu đối chuẩn, niêm luật khá chặt chẽ. Thể thơ này phù hợp để diễn tả những nỗi niềm riêng tư. Cùng với các thể thơ bát cú, tuyệt cú, thể thơ trường thiên được tác giả sử dụng khá thành công. Đặc biệt nhà thơ có sức sáng tạo dồi dào ở thể thơ bảy chữ và năm chữ. Thơ Đường luật với đặc điểm hàm súc, sức gợi tả lớn, tạo được nhiều khoảng trống, khoảng lặng vì thế mà nó thích hợp để nhà thơ viết những bài thơ bày tỏ tâm tình.

Ngoài thể thơ Đường luật, ta còn gặp trong thơ Khương Hữu Dụng những bài thơ lục bát, thơ tự do. Nhiều bài thơ đậm đặc chất liệu của thơ mới với thể thơ 5 chữ, 7 chữ, 8 chữ. Thể thơ tự do với nhịp điệu, vần điệu linh hoạt, phù hợp diễn tả những cung bậc tình cảm phong phú cũng như những hiện thực đa dạng, muôn màu của cuộc sống cũng được tác giả sử dụng thành công. Một số bài thơ độc đáo như chỉ có 2 câu song thất, chỉ có hai câu lục bát, có bài thơ có kết cấu hài hòa, giữa hai bài tứ tuyệt là một bài thơ bát cú.

Sự thể hiện ngòi bút trên nhiều thể loại, một mặt ta thấy được tài năng và sự đa dạng của người cầm bút; mặt khác thể hiện được nỗ lực lớn trong tìm tòi sáng tạo nghệ thuật của tác giả. Khương Hữu

Dụng luôn có những tìm tòi đổi mới trong sáng tạo thể thơ. Cũng qua sự đa dạng trong sáng tạo thể thơ, ta nhận ra sự vận động về thể loại trong thơ Khương Hữu Dụng cùng với sự vận động thể loại của thơ Việt Nam thế kỷ XX.

Thứ hai, **sự đa dạng mà thống nhất**. Dù thử sức sáng tác trên nhiều thể loại, ta vẫn nhận ra nét thống nhất ở phong cách thơ Khương Hữu Dụng. Với ông, *thơ là tâm huyết*. Lựa chọn thể loại nào cho nội dung gì là cả một sự mày mò, tìm tòi, cả tâm huyết của nhà thơ gửi gắm. Và với những gì nhà thơ để lại, ta có thể nhận ra, không phải thể thơ nào hợp với sở trường của nhà thơ nhất mà thể thơ nào hợp với nội dung nhà thơ thể hiện nhất. Có thể thấy thơ Khương Hữu Dụng có sự vận động về thể loại cùng với sự vận động thể loại của thơ Việt. Hòa trong dòng chảy thơ Việt gần trọn thế kỷ XX, Khương Hữu Dụng thử sức trên nhiều thể loại thơ và đã có những thể nghiệm thành công.

3.2. Hình ảnh thơ

3.2.1. Hình ảnh sinh động cụ thể

Thơ Khương Hữu Dụng giàu chất liệu đời sống. Hiện thực ấy hiện lên sinh động qua những hình ảnh thấm đẫm chất đời thường. Không khó để tìm thấy những hình ảnh cụ thể, giản dị và đẹp đẽ trong thơ Khương Hữu Dụng. Chính những hình ảnh sinh động ấy đã làm nên một nét đặc trưng trong thơ Khương Hữu Dụng: giản dị, chân thực, gần gũi với đời thường. Song đọc thơ Khương Hữu Dụng, bên cạnh rất nhiều hình ảnh sinh động cụ thể, ta nhận thấy những hình ảnh thơ giàu nghĩa biểu tượng, có sức gợi tả và khái quát lớn.

3.2.2. Hình ảnh biểu tượng

Nhiều hình ảnh lặp lại trong thơ Khương Hữu Dụng mang ý nghĩa biểu tượng như màu xanh, ánh lửa, tiếng chim, tầm tơ.

Màu xanh

Thế giới màu sắc trong thơ Khương Hữu Dụng thể hiện thế giới cảm xúc của tác giả. Nhiều bài thơ ông thể hiện cảm xúc qua thế giới sắc màu. Trong những gam màu đa dạng ấy, Khương Hữu Dụng đặc biệt ấn tượng với màu xanh. Màu sắc chủ đạo trong thơ Khương Hữu Dụng là màu xanh. Qua số liệu thống kê sự xuất hiện màu sắc trong thơ Khương Hữu Dụng, có thể thấy số lần xuất hiện của màu xanh trong tương quan với các màu sắc khác nhiều hơn hẳn. Sự xuất hiện sắc màu chủ đạo ấy không phải là điều ngẫu nhiên. Trong những gam màu đa dạng, màu xanh là màu hiền hòa, dịu mát. Màu xanh, trong quan niệm quen thuộc của người Việt Nam, đó là màu của bình yên, hạnh phúc và niềm tin.

Những sắc xanh của quê hương đất nước hiện lên sinh động trong những trang thơ viết về thiên nhiên. Không chỉ sắc xanh của cây rừng đất nước, màu xanh trong thơ Khương Hữu Dụng là màu xanh của niềm tin, tình yêu. Đó là màu xanh từ trang sách mở chứa bao điều kỳ diệu. Đó là màu xanh của niềm vui. Đó là màu xanh của niềm tin dù trong gian khó. Đó là màu xanh của mộng ước dù tuổi đã xế chiều. Màu xanh đem lại cho con người sự bình yên, niềm hạnh phúc. Cả khi nghĩ đến lúc kết thúc cuộc đời con người, nhà thơ vẫn không thôi hy vọng vào một sắc xanh mới vĩnh hằng. Sự xuất hiện sắc xanh chủ đạo trong thơ Khương Hữu Dụng thể hiện niềm yêu cuộc sống, tinh thần lạc quan, tâm hồn trẻ trung của nhà thơ. Và

những bài thơ thể hiện tinh thần lạc quan trong thơ ông cũng thâm trầm, sâu sắc và thấm đẫm chất triết lý.

Ánh lửa

Cùng với màu xanh, ánh lửa là hình tượng xuất hiện nhiều lần trong thơ Khương Hữu Dụng. Có khi thể hiện trực tiếp qua hình tượng lửa đỏ, có khi thể hiện gián tiếp dưới nhiều hình ảnh khác: cờ đỏ, ánh sao, mặt trời, hải đăng... Cùng với niềm yêu say mê cuộc sống, nhà thơ Khương Hữu Dụng đến với đời bằng ánh lửa nhiệt tình. Khát vọng được hiến dâng, được sống có ích thấp lửa cho thơ ông, để những vần thơ cháy sáng nhiệt tình. Trong thơ Khương Hữu Dụng, ta không chỉ gặp những ngọn lửa cháy sáng mà màu đỏ của máu, của cờ sao, của quả chín, của nắng hồng vẫn thường xuất hiện. Đó là gam màu chói sáng, biểu hiện của niềm tin và sức sống.

Tiếng chim

Tiếng chim cũng là hình tượng xuất hiện nhiều lần trong thơ Khương Hữu Dụng. Đặc biệt trong hoàn cảnh chiến tranh, âm vang tiếng chim đối lập với tiếng súng.

Cánh chim là biểu hiện của khát vọng tự do, khát vọng tung hoành. Nhà thơ gọi vào cánh chim đầy khát vọng ấy niềm ngưỡng mộ đối với con người có chí lớn. Trong những ngày đất nước còn chìm trong tăm tối, nhà thơ ý thức sự lẻ loi của những cánh chim, hình ảnh những cánh én gầy, én lạc xuất hiện trong những câu thơ gợi một nét buồn. Song nhà thơ vẫn luôn tin tưởng, mơ về một cuộc sống đẹp nơi có âm vang tiếng chim ngân. Tiếng chim rộn ràng gắn với niềm vui, hạnh phúc. Tiếng chim gắn với những tiếng thân yêu trong đời mỗi con người.

Cuộc sống trong kháng chiến của chủ tịch hiện lên thơ mộng hơn, đẹp hơn qua những phác họa đơn sơ của cảnh vật và âm thanh tiếng chim. Là một người yêu và gắn bó với quê hương đất nước, với cảnh sắc thiên nhiên, nhà thơ không thể hờ hững với những âm thanh tiếng chim làm sinh động cho cảnh vật. Hình ảnh cánh chim, tiếng chim còn gắn với kỷ niệm của tình yêu đôi lứa. Cánh chim lạc bầy trong chờ đợi. Tiếng chim gắn với những kỷ niệm đẹp của lứa đôi. Cánh chim trong mơ ước của sự sum vầy.

Cuộc sống trở nên đẹp hơn, tình tứ hơn khi có âm thanh tiếng chim. Càng về già, nhà thơ càng say sưa viết về cuộc sống. Ông viết nhiều bài về ong. Những chú ong cần mẫn chăm chỉ làm ra mật ngọt cho đời. Phải chăng nhà thơ muốn gửi vào những hình ảnh ấy một khát vọng sống có ích, khát vọng được hiến dâng. Khát vọng mà thời tuổi trẻ ông đã gửi vào cánh chim Việt đầy khát khao tung hoành?

Trong thơ Khương Hữu Dụng, ta còn bắt gặp nhiều hình ảnh quen thuộc của thiên nhiên Quảng Nam Đà Nẵng như **to, tầm, cây dâu**. Đặc biệt nhà thơ đã so sánh cuộc đời nhà văn với hình ảnh con tầm “*Nghiep nhà thơ kiếp con tầm nhà to*”. Hình ảnh so sánh ấy thật đúng với cuộc đời của chính ông, một con người say sưa, miệt mài với thơ, không ngừng nỗ lực tìm tòi trong sáng tạo nghệ thuật.

3.3. Ngôn ngữ và giọng điệu

3.3.1. Ngôn ngữ

Ngôn ngữ thơ Khương Hữu Dụng giản dị, trong sáng, chân thật. Đặc biệt là chất Quảng Nam thô ráp, mộc mạc kết hợp với chất tinh tế của kẻ sĩ Bắc Hà. Khương Hữu Dụng là một người con của vùng đất Quảng Nam, nhưng ông còn là người con của nhiều miền

đất nước. Ông là một người Quảng có giao lưu. Vì vậy ngôn ngữ Quảng Nam trong thơ ông mặn nồng mà không thô ráp, giản dị mà không xơ cứng. Bên cạnh những bài thơ viết về đất và người xứ Quảng, ông còn có nhiều bài thơ viết về những vùng quê khác trên đất nước Việt Nam. Thời gian sống lâu ở Hà Nội, thơ ông còn có chất giọng tinh tế của kẻ sĩ Bắc Hà. Nhưng không vì thế mà nhòa nhạt đi chất Quảng Nam đậm thấm trong thơ ông. Với ông, con người Quảng Nam, giọng nói của con người Quảng Nam vẫn là giọng nói trầm âm, thiết tha nhất.

Nét Quảng Nam ấy làm nên đặc trưng trong thơ của một nhà thơ lão thành. Dù biết những bài thơ hay nhất của Khương Hữu Dụng không chỉ là những bài viết về đất và người xứ Quảng. Thơ ông để lại cho đời nhiều hơn thế. Dù biết lạm dụng ngôn ngữ địa phương trong thơ sẽ tạo nên sự đơn điệu. Đã có lúc thơ Khương Hữu Dụng rơi vào nhược điểm đó. Song nhà thơ đã biết dừng lại và sử dụng đúng chỗ thứ ngôn ngữ tự trái tim để tạo nên những vần thơ đủ sức đánh thức tình quê trong lòng mỗi chúng ta.

Bên cạnh ngôn ngữ mộc mạc đậm chất Quảng, nhiều bài thơ của Khương Hữu Dụng có chất giọng tinh tế, trau chuốt ở hình ảnh, ngôn từ. Thơ Khương Hữu Dụng đậm chất Đường thi và phong vị cổ điển, ngôn ngữ thơ cô đúc chất lọc. Dấu ấn cổ kính của thơ ca phương Đông mà đặc biệt là Đường thi in đậm trong thơ ông ở cả giai đoạn thơ trước và sau Cách mạng tháng Tám. Thơ ông phảng phất chất Đường thi, nhưng hồn thơ đậm đà chất Việt qua ngôn ngữ mộc mạc. Cái hồn Việt thấm đẫm trong những câu thơ lục bát, ở đó ta thấy vương vấn bóng dáng của ca dao. Thơ Khương Hữu Dụng

không chỉ có dấu ấn cổ thi mà còn rất hiện đại. Nói cách khác, trong nhiều bài thơ vừa cổ điển vừa hiện đại.

Ngôn ngữ thơ Khương Hữu Dụng khai thác đặc trưng cơ bản của ngôn ngữ nghệ thuật là tính đa nghĩa. Nhiều bài thơ thú vị ở cách chơi chữ độc đáo và tài hoa của nhà thơ.

3.3.2. Giọng điệu

Khương Hữu Dụng là một nhà thơ sống và sáng tác trải qua nhiều thời đại thi ca. Vì thế tìm hiểu thơ ông ta nhận ra nhiều chất giọng. Ta gặp ở thơ ông **giọng hào hùng**, **cổ động**, tuyên truyền, diễn ca trong những bài thơ tuyên truyền cách mạng; **giọng tâm tình, thủ thi, sâu lắng** trong những bài thơ viết về tình cảm riêng tư, nỗi niềm thế sự; **giọng thâm trầm, chiêm nghiệm** trong những bài thơ suy ngẫm về cuộc đời, con người; **giọng hồn nhiên, “bi bô”** trong những bài thơ viết về trẻ em, tình yêu...

Một đặc điểm về giọng điệu thơ Khương Hữu Dụng là **giọng tự sự**. Giọng tự sự ngôi thứ nhất là giọng chủ đạo của Thơ mới. Với Khương Hữu Dụng, một nhà thơ có thiên hướng về thơ cổ điển với khuynh hướng phi ngã, đã chân thành chọn cho mình một giọng thơ gắn liền với sự bộc bạch qua những sự tình chuyện kể. Có hiểu chất giọng đặc trưng này trong thơ Khương Hữu Dụng mới hiểu hết đặc sắc thơ ông. Vì nhắc đến Khương Hữu Dụng, không ít người chỉ biết ông là nhà thơ chiến sĩ với giọng thơ hào hùng trong giàn đồng ca của thơ ca kháng chiến. Có người lại chỉ biết ông là nhà thơ cổ điển với hơi thơ trầm mặc đậm chất Đường thi.

KẾT LUẬN

Với hành trình đời sống và đời thơ dài gần trọn thế kỉ, Khương Hữu Dụng đã sống và sáng tác đúng như tên ông, đã để lại một sự nghiệp cho đời và cho thơ với một cốt cách riêng khiêm nhường mà cũng đầy kiêu hãnh. Yếu tố quê hương, nguồn cội, gia đình; vốn sống, sự từng trải, một bản lĩnh vững vàng được tôi luyện qua thử thách, và một tấm lòng nhân hậu với con người và cuộc đời đã tạo nên sức bền của một nguồn thơ tưởng chừng như không hề vơi cạn.

Khương Hữu Dụng sống và sáng tác trong gần một thế kỷ XX, một thế kỷ đầy biến động và đầy tự hào của dân tộc, và vắt qua những năm đầu thế kỷ XXI, thời kỳ văn học được chi phối bởi hai quy luật cơ bản: quy luật dân chủ hóa và quy luật hiện đại hóa trước vận hội đổi mới. Trong suốt hành trình sáng tạo, dù chưa vươn tới chiếm lĩnh được đỉnh cao ở một thời kỳ thơ ca nào, song sự có mặt đều đặn và nhiệt tình của ông trên mặt trận thơ ở các thời kỳ là một hiện tượng không phải là phổ biến, có thể nói là khá đặc biệt. Đọc thơ ông, ta nhận ra chân dung một con người. Con người tha thiết với đời, với thơ. Thơ ông có những tình cảm lớn của một công dân yêu nước và tình cảm sâu thẳm trong tâm hồn của người nghệ sĩ. Thơ ông có sự già dặn của kinh nghiệm một đời tích lũy, có chất suy tư của một người từng trải và thấu hiểu lẽ đời; có chất chiêm nghiệm sâu sắc từ những điều bình dị, có chất trẻ trung tươi tắn của một con người luôn say mê yêu cuộc sống. Sự thể hiện nội dung và hình thức phong phú ấy hình thành nên một nét phong cách thống nhất.

Phong cách thơ Khương Hữu Dụng là sự kết hợp hài hoà dung dị giữa cảm hứng trữ tình công dân và cảm hứng đời tư thế sự, giữa bầu nhiệt huyết cuộn chảy và sự lặng lẽ tâm tình, giữa một hồn thơ

già dặn chín chắn và hồn thơ tươi mới trẻ trung, một hồn thơ vừa hùng hực lửa cháy vừa thủ thỉ tâm tình. Đó là một phong cách thơ giàu chất liệu hiện thực đời sống và lắng sâu cảm xúc; một phong cách thơ vừa thống nhất vừa đa dạng trong nghệ thuật biểu hiện.

Có người cho thơ Khương Hữu Dụng nhiều bài còn khô khan, song khi tìm hiểu sâu về thơ Khương Hữu Dụng, người viết đồng tình với Tế Hanh khi cho rằng đó là cái khô của than già, của gỗ quý.

Tìm hiểu phong cách thơ Khương Hữu Dụng, người viết nhận ra được những đóng góp cụ thể cho văn học hiện đại Việt Nam của nhà thơ ở mảng thơ sáng tác; nắm bắt được hành trình thơ gần một thế kỷ của nhà thơ, qua đó phần nào thấy được sự vận động của thơ Việt qua các thời kỳ. Đồng thời, góp thêm tư liệu trong thực tiễn giảng dạy thơ văn Việt Nam hiện đại, giảng dạy phần văn học địa phương trong nhà trường.

Sự nghiệp Khương Hữu Dụng không chỉ dừng lại ở mảng sáng tác mà còn thể hiện ở mảng thơ dịch. Nếu có điều kiện, người viết sẽ tìm hiểu đóng góp của nhà thơ ở lĩnh vực thơ dịch, góp phần ghi nhận đầy đủ và toàn diện hơn về sự nghiệp của nhà thơ.